

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp LC, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp TAA, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên nhậu, không lo lắng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đến nay khoảng một năm. Chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/01/2012, hiện tại cháu M đang sống chung với chị M. Chị yêu cầu được nuôi cháu M và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 740.000đ, thời điểm cấp dưỡng từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị M xác định không có.

Đối với anh Phạm Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị M, anh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAKĐ, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên nhậu, không lo lắng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đến nay khoảng một năm. Đối với anh S đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhưng anh vẫn vắng mặt điều đó cho thấy anh không có nguyện vọng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị M được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu M sống chung với chị M vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, anh S không yêu cầu được nuôi dưỡng con và theo biên bản ghi nguyện vọng con chung thể hiện cháu M có nguyện vọng sống chung với chị M. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu M cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng có quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên... trong trường hợp không sống chung với con...”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 740.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/01/2012 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Ngọc M số tiền là 740.000đ (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn S chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011739 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TAKĐ, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**